CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD

FireAnt

Ngày 31/03/2024	11,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.3%	**44.8%**	**59.2%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,151 - 11,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	419
Số lượng CPLH (CP)	36,958,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)	932,640
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.11
EPS	1,570
P/E	7.2

DT thuần
Q1/24
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▼65.0| -25.3%
YoY: ▼38.0| -16.5%

LN trước thuế
Q1/24
16.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.6| -40.8%
YoY: ▲ 7.55| 80.6%

LN sau thuế
Q1/24
14.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.30| -36.9%
YoY: ▲ 6.18| 75.7%

ROA
2023
6.8%
+/- YoY: ▲ 0.6%

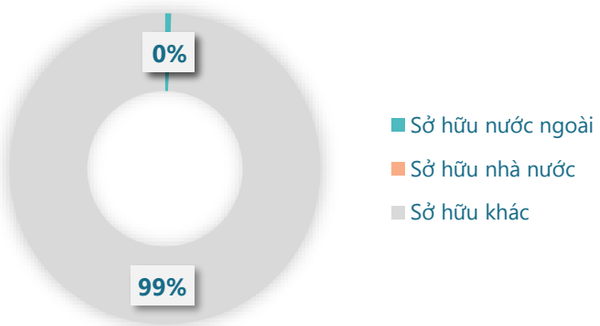
DT thuần
2023
913
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 168| 22.6%

LN trước thuế
2023
63.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.7| 30.4%

LN sau thuế
2023
51.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.7| 29.0%

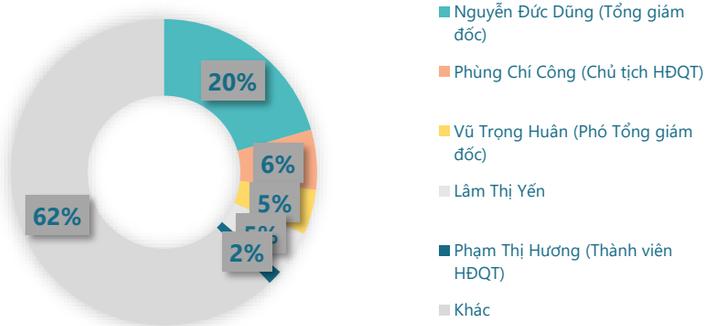
ROE
2023
12.0%
+/- YoY: ▲ 1.8%

Cơ cấu sở hữu



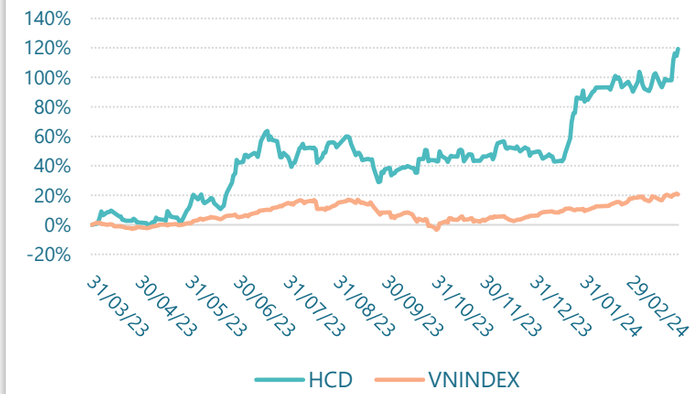
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

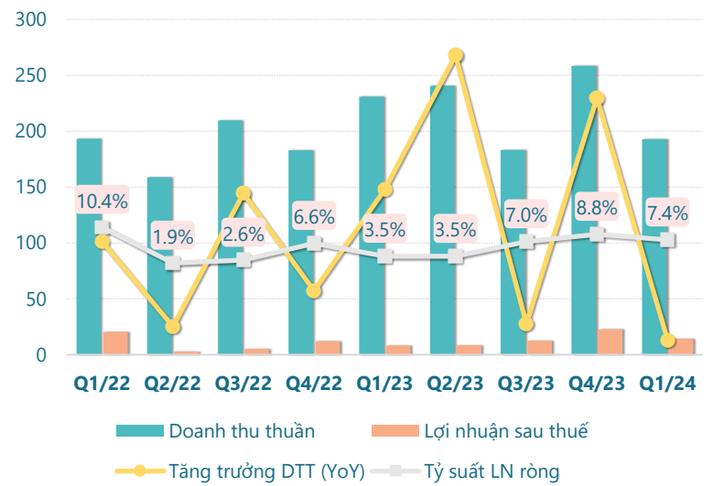
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD

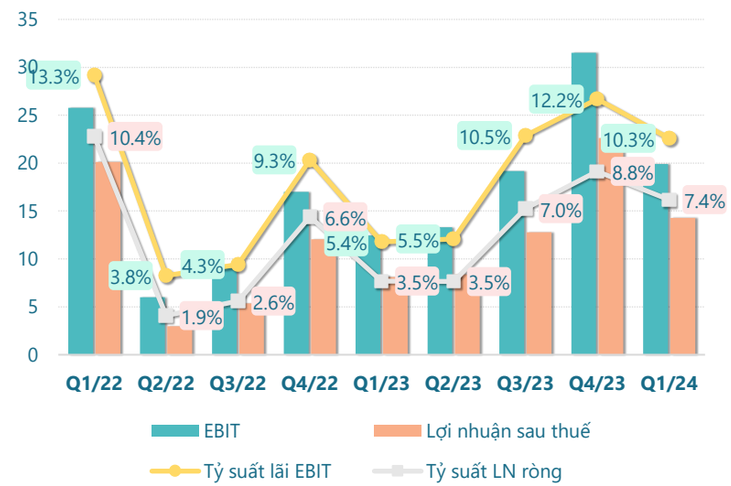
FireAnt

Kết quả kinh doanh



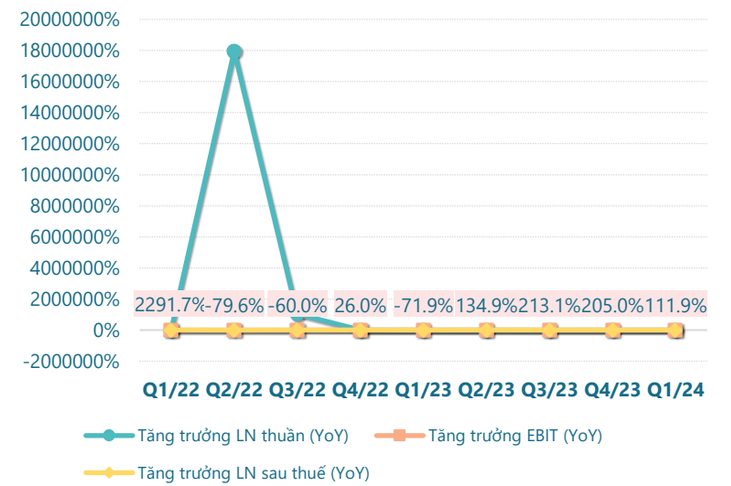
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



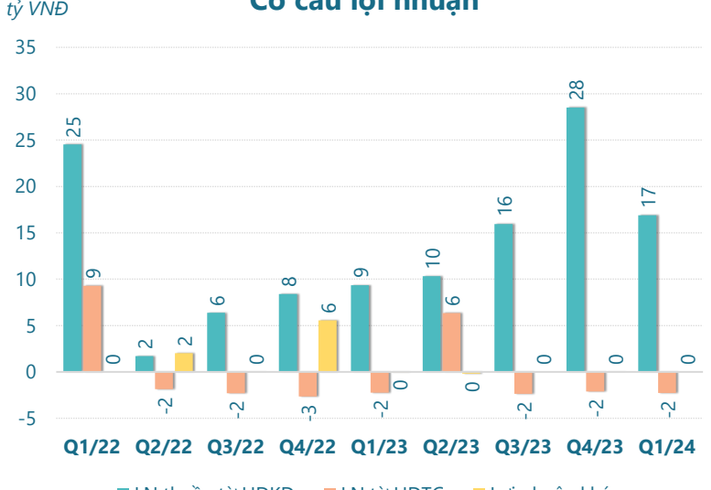
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



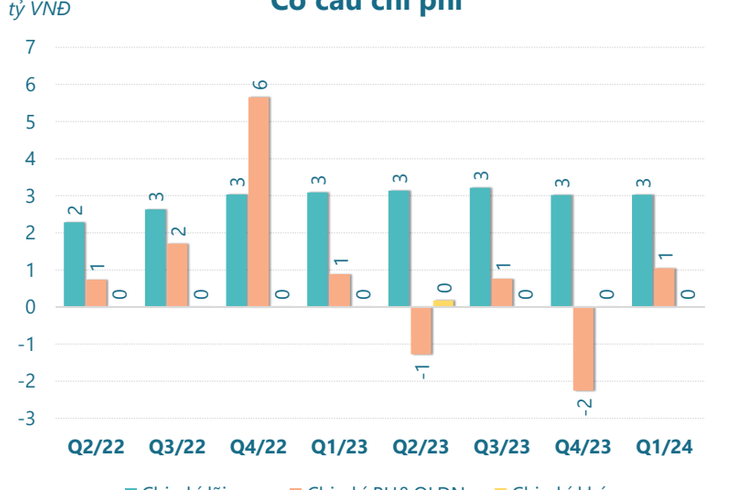
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



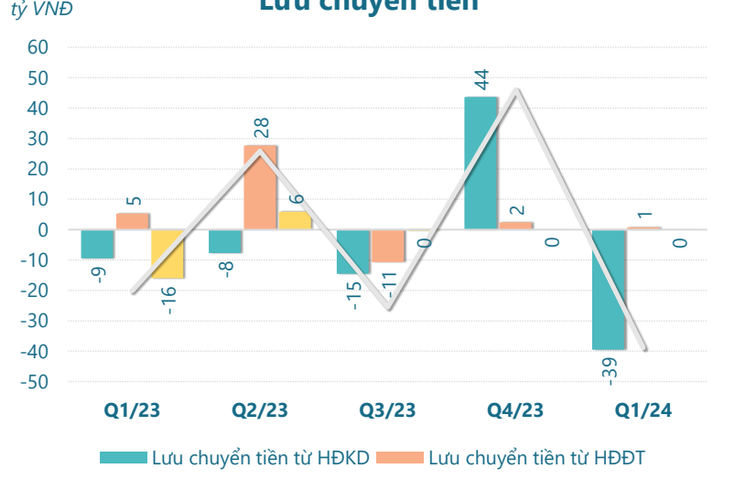
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

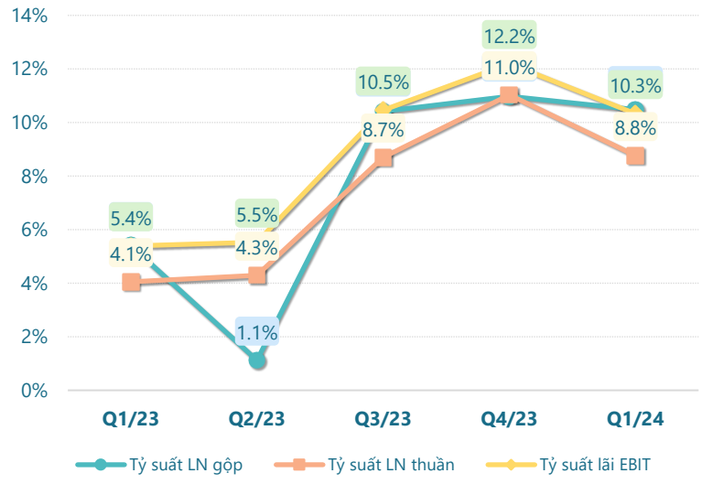


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD

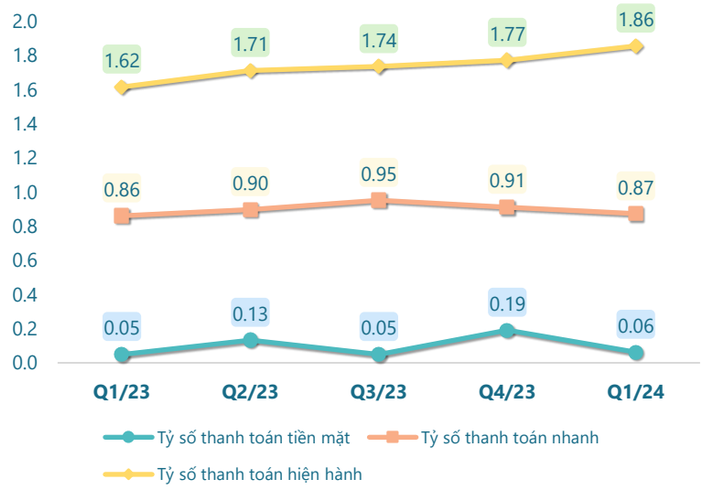
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



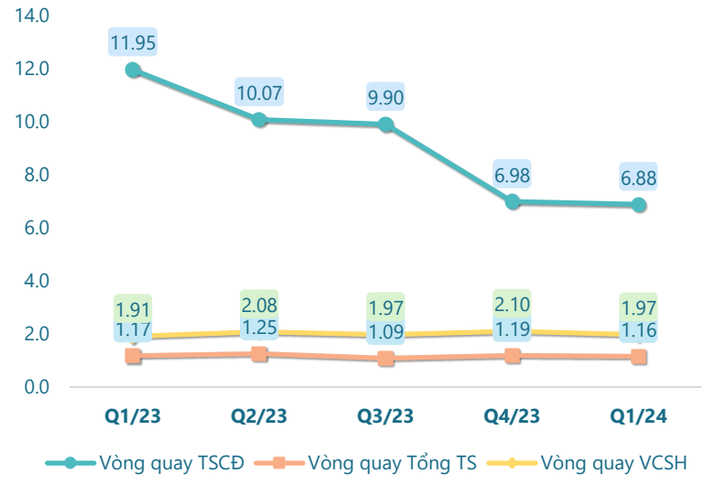
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



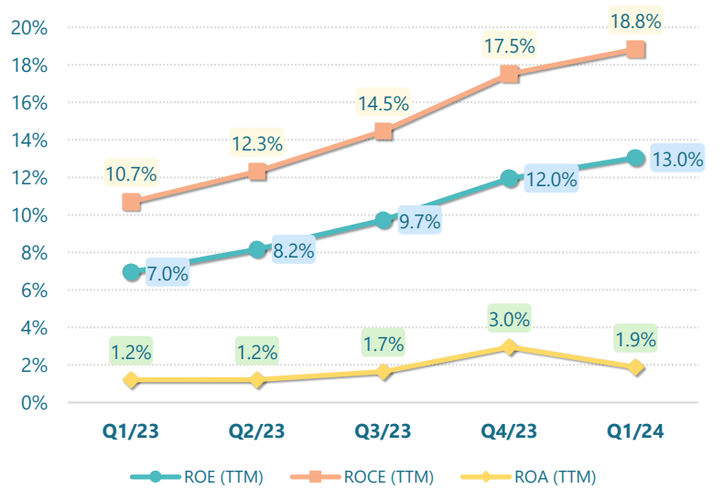
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



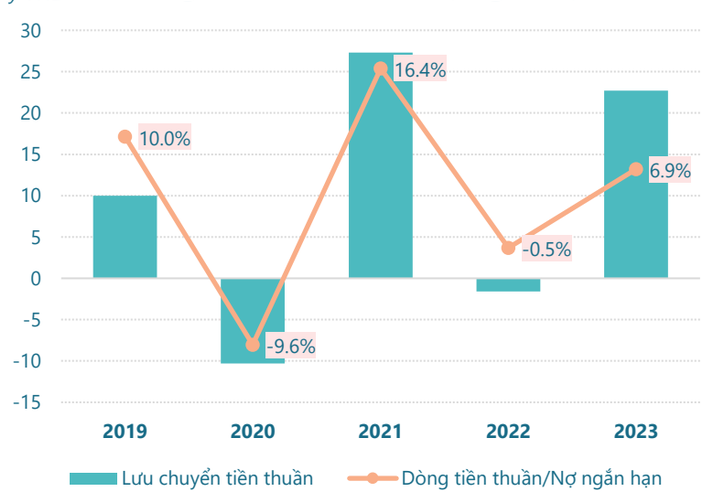
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



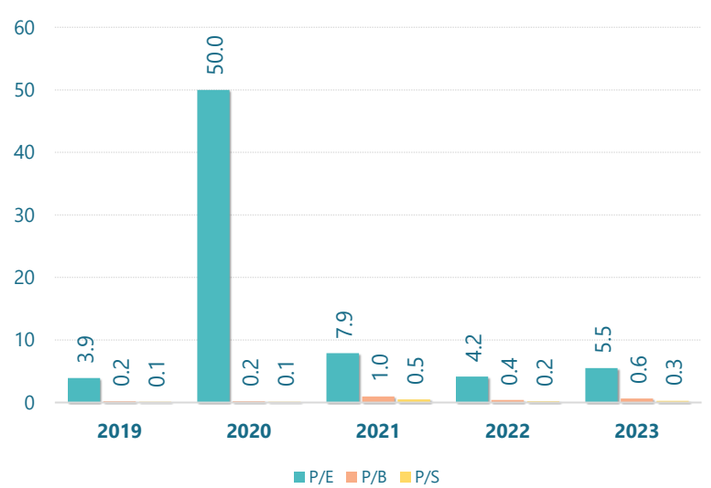
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)